

**BIỂU PHÍ BẢO HIỂM TỰ NGUYÊN MÔ TÔ - XE MÁY**

(Ban hành theo Quyết định số 122.../QĐ-PVIBH ngày 21 tháng 02 năm 2020 của  
Tổng giám đốc Tổng công ty Bảo hiểm PVI)

**PHẦN I**

**BẢO HIỂM THIẾT HẠI VẬT CHẤT XE MÁY**

**1. Tỷ lệ phí bảo hiểm.**

STT	Phạm vi bảo hiểm	Phí bảo hiểm năm (Đã bao gồm VAT)
1	Chương trình 1	1,00%
2	Chương trình 2	2,00%

**2. Bảo hiểm dài hạn.**

Thời hạn bảo hiểm	Mức phí áp dụng (% phí bảo hiểm năm)
24 tháng	180%
36 tháng	260%

**PHẦN II**

**BẢO HIỂM TỰ NGUYÊN TNDS CỦA CHỦ XE MÁY**

(Đơn vị tính: đồng)

TT	Loại xe	PHÍ BẢO HIỂM (bao gồm thuế GTGT) Mức trách nhiệm: a. Về người: triệu đồng/người/vụ b. Về tài sản: triệu đồng/vụ Tổng mức trách nhiệm tối đa (a+b): 300 triệu đồng/vụ				
		Mức I (a/b) 30/30	Mức II (a/b) 50/50	Mức III (a/b) 80/80	Mức IV (a/b) 100/100	Mức V (a/b) 120/120
<b>I</b>	<b>Mô tô 2 bánh</b>					
1	Từ 50 cc trở xuống	18.000	24.000	30.000	37.500	47.000
2	Trên 50 cc	36.000	48.000	60.000	75.000	94.000
<b>II</b>	<b>Xe mô tô ba bánh, xe gắn máy và các loại xe cơ giới tương tự</b>	57.600	76.800	96.000	120.000	150.000

**PHẦN III**  
**BẢO HIỂM TAI NẠN LÁI XE VÀ TAI NẠN NGƯỜI NGỒI TRÊN XE MÁY**

<b>STT</b>	<b>Số tiền bảo hiểm/người/vụ</b>	<b>Tỷ lệ phí</b> <i>(Không áp dụng thuế GTGT)</i>
1	Từ 5 triệu đến 50 triệu đồng	0,1%
2	Từ trên 50 triệu đến 100 triệu đồng	0,2%
3	Từ trên 100 triệu đến 200 triệu đồng	0,3%

**TỔNG GIÁM ĐỐC**  
  
*Phạm Anh Đức*

